

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-ST

Ngày: 09/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quốc Doanh

2/ Ông Tạ Minh Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Nhật - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST-DS ngày 11/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-DS ngày 26/7/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 Tòa nhà TT, Số 210 đường TQK, phường TT, quận HK, HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S; Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh HY

Theo văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng BDLV.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đàm Hữu T; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch VG. (Có mặt)

Theo Quyết định ủy quyền số 139/2021/UQ-LPB.CNHY ngày 19/8/2021 của Giám đốc Chi nhánh HY - Ngân hàng BDLV.

Bị đơn: Anh **Trần Ngọc B**; Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

HKTT: Thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số 02, Trại giam NK - BCA.

Địa chỉ: Xã NV, huyện HL, tỉnh NB.

Người làm chứng: Ông **Trần Ngọc B1**; Sinh năm: 1947 (Vắng mặt)

HKTT: Xóm 6, xã TP LB, huyện VB, tỉnh NB.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/11/2016 ông Trần Ngọc B ký Hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380 với Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Trần Ngọc B vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

Số tiền cho vay: 280.000.000 đồng; Mục đích vay: Cho vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Tài sản bảo đảm: Vay không tài sản bảo đảm; Lãi suất vay: 12,85%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: $LSCV = LSTK\ 13\ tháng + 5,25\%/năm$

Trong đó: LSCV: Là lãi suất cho vay đối với khách hàng; LSTK 13 tháng: Là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của LVPB cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Các kỳ hạn trả nợ:

+ Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả 01 tháng/kỳ, bao gồm 60 kỳ, trong đó 59 kỳ đầu trả 4.670.000 VNĐ vào ngày 10 hàng tháng, kỳ cuối trả 4.470.000 VNĐ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/12/2016; ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 23/11/2021

+ Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả 01 tháng/kỳ, vào ngày 10 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 10/12/2016

Từ ngày vay vốn đến ngày 19/04/2022 ông Trần Ngọc B đã trả cho Ngân hàng 92.720.000đ tiền gốc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tại Ngân hàng từ ngày vay vốn đến nay ông Trần Ngọc B thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay đã quá hạn. Kể từ khi khoản vay chuyển sang nợ quá hạn Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện cho ông Trần Ngọc B và người thân hỗ trợ trả nợ thay ông B nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán đầy đủ gốc, lãi vay cho Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 19/04/2022, tổng nghĩa vụ nợ phải trả khoản vay của ông Trần Ngọc B tại Ngân hàng là: 312.788.534đ.

Trong đó: Nợ gốc: 187.280.000đ; Nợ lãi trong hạn: 50.430.796đ; Nợ lãi quá hạn: 75.077.738đ

Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết:

Buộc ông Trần Ngọc B phải tất toán toàn bộ khoản vay ngay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380 ký ngày 23/11/2016 với tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 19/4/2022 là: 312.788.534 đồng và các khoản lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp ông B không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP BDLV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản khác của ông Trần Ngọc B để thu hồi nợ vay.

Sau khi xử lý hết tài sản mà không trả hết nợ thì ông B có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ phần còn lại cho ngân hàng cho đến khi tất toán nợ.

Tại Biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Trần Ngọc B trình bày:

Hiện tại anh đang chấp hành án theo Bản án của TAND tỉnh Hưng Yên về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời gian chấp hành án là 16 năm kể từ ngày 18/5/2018. Trước khi bị khởi tố, anh công tác tại Trường Trung cấp CSND VI. Sau khi bị khởi tố, truy tố, xét xử, anh đã bị kỷ luật, không còn công tác trong ngành Công an nữa.

Trong thời gian còn công tác tại trường Trung cấp CSND VI, anh có vay vốn tại Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY theo hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380, số tiền vay là 280.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Việc vay vốn, sử dụng vốn đều là do cá nhân anh thực hiện, không liên quan gì tới vợ con anh hay các thành viên khác trong gia đình.

Anh xác nhận hợp đồng tín dụng trong hồ sơ vụ án đúng là hợp đồng anh đã ký với Ngân hàng, anh không có ý kiến thắc mắc gì về các nội dung trong hợp đồng này.

Kể từ khi đi chấp hành án, anh không có khả năng trả nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án. Nay anh không có khả năng thanh toán nợ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh nhận toàn B nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng.

Người làm chứng - Ông Trần Ngọc B1, bố đẻ anh B cung cấp:

Sau khi anh B đi chấp hành án, do không trả được nợ nên đại diện Ngân hàng có tới làm việc với ông. Tại biên bản làm việc ngày 07/11/2019, ông đã có ý kiến ông sẽ cố gắng thu xếp mỗi tháng trả ngân hàng 1-2 triệu đồng thay cho anh B. Ông có ý kiến như vậy vì ông là bố của anh B, ông cảm thấy bản thân cần có trách nhiệm giúp đỡ anh B khi khó khăn, thực tế ông không nắm được anh B vay vốn thế nào, anh B cũng không mua sắm, chi tiêu gì cho gia đình bằng khoản vay của anh B tại ngân hàng này.

Từ khi làm việc với Ngân hàng đến nay, ông đã thực hiện việc trả gốc, lãi

thay anh B mấy lần. Những lần trả gốc, lãi, ông đều chuyển tiền vào tài khoản của anh B tại Ngân hàng TMCP BDLV. Tổng cộng, ông đã 7 lần chuyển tiền thanh toán nợ thay anh B.

Sau đó ông không chuyển tiền thanh toán thay cho anh B lần nào nữa. Việc trả gốc lãi này là do ông hoàn toàn tự nguyện, ông không có yêu cầu gì trong vụ án mà Tòa án đang giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP BDLV với anh B. Ông cũng không yêu cầu anh B phải trả lại ông số tiền mà ông đã nộp thay.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày: Theo cách tính toán của Ngân hàng có sự sai sót nên số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn nêu tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai của ngân hàng và số tiền nêu trong Biên bản hòa giải giữa Ngân hàng với anh B không chính xác. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng cung cấp bảng tính lãi vay trong hạn và quá hạn đối với khoản vay của anh B chính xác nhất. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Trần Ngọc B phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380 ký ngày 23/11/2016 tính đến hết ngày 08/8/2022 bao gồm: Nợ gốc: 187.280.000đ; Nợ lãi trong hạn 85.257.492đ; Nợ lãi quá hạn 104.359.624đ. Tổng cộng: 376.897.116đ. Và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 09/8/2022 đến ngày anh B thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán ra thông báo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn theo quy định tại điều 195, 196 B Luật tố tụng dân sự. Việc lấy lời khai của đương sự đảm bảo tính khách quan, hợp pháp. Thời hạn chuẩn bị xét xử, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu và việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng theo Điều 175, 203, 204, 220 B luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của B Luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV đối với anh Trần Ngọc B

Buộc anh Trần Ngọc B phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền: Nợ gốc: 187.280.000đ; Nợ lãi trong hạn 85.257.492đ; Nợ lãi quá hạn 104.359.624đ. Tổng cộng: 376.897.116đ. Anh Trần Ngọc B tiếp tục phải trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Anh Trần Ngọc B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Trần Ngọc B có địa chỉ thường trú tại thị trấn VG, huyện VG, tỉnh HY phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Căn cứ khoản 1 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 B luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Ngọc B vắng mặt, tuy nhiên anh B đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 B luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tính pháp lý của hợp đồng tín dụng:

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP BDLV với anh Trần Ngọc B:

Ngày 23/11/2016 ông Trần Ngọc B ký Hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380 với Ngân hàng TMCP BDLV - Chi nhánh HY. Nội dung cơ bản của hợp đồng thỏa thuận:

Ngân hàng cho anh Trần Ngọc B vay số tiền: 280.000.000đ; Mục đích vay: Cho vay tiêu dùng cá nhân; Thời hạn vay: 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Tài sản bảo đảm: Vay không tài sản bảo đảm; Lãi suất vay: 12,85%/năm; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Ngoài ra còn các quy định về kỳ hạn trả nợ gốc, nợ lãi, việc điều chỉnh lãi suất, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng...

Việc Ngân hàng và anh Trần Ngọc B ký kết hợp đồng tín dụng là tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Các chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản, mục đích và nội dung các thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên theo quy định tại điều 122, 124 của B luật dân sự năm 2005, Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền cho vay là 280.000.000đ, bên vay là anh Trần Ngọc B thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay và sử dụng vốn đúng mục đích vay vốn.

Do anh B vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo quy định tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng đã ký kết, do vậy Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện ra Tòa án theo mục 12.2, Điều 12 của Hợp đồng tín dụng là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc:

Căn cứ lời khai của các đương sự, tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định: Số tiền nợ gốc Ngân hàng TMCP BDLV cho anh B vay là 280.000.000đ.

Theo bảng Sao kê tài khoản, Bảng sao kê thu gốc tiền vay của anh Trần Ngọc B thể hiện, từ thời điểm vay vốn, anh B và ông B1 (bố của anh B) đã nhiều lần thanh toán tiền nợ gốc bằng hình thức nộp tiền vào tài khoản cá nhân của anh B tại Ngân hàng TMCP BDLV, số tài khoản 0061284430003. Tổng số tiền nợ gốc đã thanh toán là: 92.720.000đ.

Như vậy, bị đơn còn phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP BDLV 187.280.000đ tiền nợ gốc. Yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ gốc hoàn toàn có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ lãi:

Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, các bên có thỏa thuận về lãi suất. Trong đó: Lãi suất vay: 12,85%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau:

$$LSCV = LSTK \text{ 13 tháng} + 5,25\%/năm$$

Trong đó:

LSCV: Là lãi suất cho vay đối với khách hàng.

LSTK 13 tháng: Là lãi suất huy động tiết kiệm thường cao nhất kỳ hạn 13 tháng, lãi trả cuối kỳ của LienVietPostBank cho khách hàng cá nhân tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT- NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước, khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số 1627/2001/QĐ - NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ - NHNN ngày 03/2/2005, Điều 11 Thông tư số 21/2012 ngày 18/6/2012 của Ngân hàng nhà nước.

Theo bảng Sao kê tài khoản, Bảng sao kê thu gốc tiền vay của anh Trần Ngọc B thể hiện anh B đã thanh toán số tiền 41.124.887đ tiền nợ lãi.

Theo bảng tính lãi của Ngân hàng TMCP BDLV cung cấp, tính đến hết ngày 08/8/2022 lãi suất theo Hợp đồng mà anh B còn phải thanh toán cho Ngân hàng gồm: Nợ lãi trong hạn 85.257.492đ; Nợ lãi quá hạn 104.359.624đ. Việc tính lãi này là đúng với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP BDLV về khoản tiền lãi trong

hạn và lãi quá hạn là có căn cứ và được chấp nhận.

Như vậy, tính đến hết ngày 08/8/2022 anh Trần Ngọc B còn phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP BDLV số tiền như sau:

Nợ gốc: 187.280.000đ; Nợ lãi trong hạn 85.257.492đ; Nợ lãi quá hạn 104.359.624đ. Tổng cộng: 376.897.116đ.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP BDLV về việc tính lãi phát sinh từ ngày 09/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp đồng tín dụng các bên đã ký, quá trình giải quyết vụ án các bên không thỏa thuận về mức lãi suất phát sinh nào khác. Do đó, yêu cầu buộc anh B có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 09/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nay sẽ hoàn trả số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp.

Anh Trần Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của B luật tố tụng dân sự;

Các Điều 122, 124, 471, 474, 478 B luật dân sự năm 2005;

Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV.

2.2. Buộc anh Trần Ngọc B phải trả cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/231116/04/380 ký ngày 23/11/2016 tính đến hết ngày 08/8/2022 gồm:

Nợ gốc: 187.280.000đ; Nợ lãi trong hạn 85.257.492đ; Nợ lãi quá hạn 104.359.624đ.

Tổng cộng: 376.897.116đ. (Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn một trăm mười sáu đồng)

Anh Trần Ngọc B tiếp tục phải trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số

01/231116/04/380 ký ngày 23/11/2016 tính từ ngày 09/8/2022 cho đến khi trả hết nợ gốc.

2.3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh Trần Ngọc B phải chịu 18.844.800đ (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi tư nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000đ (Bảy triệu tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010632 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA-TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- Cơ quan THADS huyện Văn Giang
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Bích Thủy